

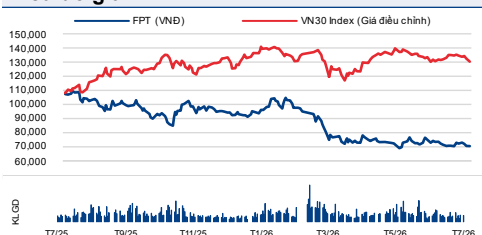
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ94,200
Tiềm năng tăng/giảm: 34.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (14/7/2026)	70,300
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	69,048-109,437
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	70,467
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	119,757
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,560
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,704
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	835
Slg CP NN được mua (tr.đv)	181
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	38.4%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	70,113	57,188	66,082
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,903	9,683	11,529
LNTT (tỷ đồng)	13,044	11,845	13,518
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,360	10,581	11,981
FCF (tỷ đồng)	5,038	(4,076)	8,612
EPS ĐC (đồng)	5,205	5,723	6,480
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500
BVPS (đồng)	21,416	25,722	29,702
T.trưởng EBITDA (%)	6.59	(30.4)	19.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.86	9.96	13.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.8	16.9	17.4
Tỷ suất LNTT (%)	18.6	20.7	20.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	13.4	18.5	18.2
Tỷ lệ LN trả CT (%)	38.4	34.9	38.6
Nợ thuần/VCSH (%)	30.9	13.7	8.84
ROAE (%)	28.3	26.4	25.4
ROACE (%)	26.2	17.6	19.2
EV/doanh thu (lần)	1.86	2.19	1.87
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.37	12.9	10.7
P/E ĐC (lần)	13.5	12.3	10.8
P/B (lần)	3.28	2.73	2.37
Lợi suất cổ tức (%)	2.84	2.84	3.56

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Chê Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

KQKD sơ bộ Q2/2026: Doanh thu thuần tăng tốc

- FPT công bố KQKD sơ bộ 6 tháng đầu năm 2026 với doanh thu thuần đạt 26,3 nghìn tỷ đồng (tăng 13% svck) và lợi nhuận thuần đạt 5,1 nghìn tỷ đồng (tăng 14% svck). Kết quả này nhìn chung sát với kỳ vọng, lần lượt hoàn thành 46% và 48% dự báo doanh thu và lợi nhuận cho cả năm 2026 của HSC.
- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q2/2026 đạt lần lượt 13,8 nghìn tỷ đồng (tăng 16% svck và tăng 10% svqt) và 2.568 tỷ đồng (tăng 14% svck và tăng 3% svqt). Đà tăng trưởng doanh thu mạnh hơn so với Q1/2026 nhờ mảng công nghệ. Tỷ suất LNTT mở rộng, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận thuần thu hẹp do ảnh hưởng từ mức thuế suất hiệu dụng cao hơn.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 94.200đ (tiềm năng tăng giá là 34%).

Sự kiện: Công bố KQKD sơ bộ Q2/2026

KQKD sơ bộ Q2/2026 sát với dự báo, với lợi nhuận thuần đạt 2.568 tỷ đồng (tăng 14% svck và tăng 3% svqt) và doanh thu thuần đạt 13,8 nghìn tỷ đồng (tăng 16% svck và tăng 10% svqt).

Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2026 tăng 13% và 14%, lần lượt hoàn thành 46% và 48% dự báo cho cả năm 2026 của HSC.

Doanh thu ký mới trong nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 32% svck lên 26,3 nghìn tỷ đồng, báo hiệu đà tăng trưởng doanh thu vững chắc trong 3-4 quý tới. Trong giai đoạn này, FPT đã giành được 14 dự án với quy mô trên 10 triệu USD, tăng 27% svck, chứng tỏ khả năng triển khai các dự án quy mô lớn của công ty.

Doanh thu thuần tăng trưởng bất phá

Đà tăng trưởng doanh thu Q2/2026 bất phá lên mức 16% svck (so với mức 9% svck trong Q1/2026), với động lực chính đến từ mảng công nghệ có tốc độ tăng trưởng doanh thu tăng tốc lên đến 19% svck, cao hơn so với mức tăng 11% svck trong Q1/2026. Trong khi đó, doanh thu mảng giáo dục và khác đi ngang svck, so với mức sụt giảm 4% svck trong Q1/2026.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026, FPT

Lợi nhuận thuần Q2/2026 tăng 14% so với cùng kỳ lên 2,6 nghìn tỷ đồng, nhờ doanh thu thuần tăng 16% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	T6-26	svck	Q2/26	svck	svqt	6T26	svck	% db
Doanh thu	4,885	22.3%	13,789	16.4%	10.5%	26,269	12.6%	45.9%
CNTT	4,380	23.2%	12,296	18.7%	13.4%	23,138	15.0%	
Toàn cầu	3,383	16.5%	9,867	16.3%	9.2%	18,902	13.4%	
Trong nước	997	53.1%	2,429	29.5%	34.4%	4,236	22.5%	
Giáo dục & đầu tư	505	15.0%	1,493	0.1%	-8.9%	3,131	-2.1%	
LNTT	988	20.0%	2,910	19.9%	3.8%	5,714	18.1%	48.2%
CNTT	633	23.4%	1,748	23.3%	11.6%	3,314	16.9%	
Toàn cầu	512	15.1%	1,538	19.2%	4.8%	3,006	12.1%	
Trong nước	121	75.4%	210	62.8%	114.3%	308	100.0%	
Giáo dục & đầu tư	355	14.5%	1,162	15.2%	-6.1%	2,400	19.8%	
Lợi nhuận thuần	856	4.5%	2,568	13.7%	3.3%	5,055	14.1%	47.7%

Nguồn: FPT, HSC

- Trong **mảng công nghệ**, doanh thu **phân mảng dịch vụ CNTT toàn cầu** trong Q2/2026 tăng 16% svck (và tăng 9% svqt) đạt 9,9 nghìn tỷ đồng, được dẫn dắt bởi thị trường Nhật Bản (tăng 25% svck và tăng 14% svqt đạt 4,8 nghìn tỷ đồng, đóng góp 48% tổng doanh thu dịch vụ CNTT toàn cầu), và thị trường EU (tăng 36% svck và tăng 19% svqt đạt 1,2 nghìn tỷ đồng, đóng góp 12% tổng doanh thu dịch vụ CNTT toàn cầu). Doanh thu từ thị trường Mỹ (đóng góp 22% doanh thu dịch vụ CNTT toàn cầu) tăng 8% svck (và tăng 5% svqt) cải thiện từ mức tăng 4% svck trong Q1/2026. Trong khi đó, doanh thu từ khu vực châu Á-Thái Bình Dương (đóng góp 18% doanh thu dịch vụ CNTT toàn cầu) tiếp tục suy yếu, giảm 2% svck và giảm 2% svqt, nhưng mức giảm đã được thu hẹp từ mức sụt giảm 10% svck trong Q1/2026.

Tính chung nửa đầu năm 2026, doanh thu mảng dịch vụ CNTT toàn cầu tăng 13% svck lên 18,9 nghìn tỷ đồng, trong đó doanh thu từ AI/Phân tích dữ liệu tăng vọt 54% svck kỳ lên 1.842 tỷ đồng, đóng góp gần 10% (so với mức 7% trong nửa đầu năm 2025), cho thấy sự thích ứng nhanh chóng của FPT với kỷ nguyên AI.

- Doanh thu của **phân mảng dịch vụ CNTT trong nước** trong Q2/2026 tăng mạnh 29% svck và tăng 34% svqt, đạt 1,9 nghìn tỷ đồng, được dẫn dắt bởi cả khu vực công và tư nhân.

Trong nửa đầu năm 2026, doanh thu từ dịch vụ CNTT trong nước tăng 22% svck lên 4.236 tỷ đồng, với đóng góp từ khu vực công là 16% và tư nhân là 84%. Doanh thu từ các sản phẩm Made-by-FPT tăng 10% svck lên 1.264 tỷ đồng, đóng góp 30% vào doanh thu dịch vụ CNTT trong nước.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế mở rộng, nhưng tỷ suất lợi nhuận thuần thu hẹp do được áp mức thuế cao hơn.

LNTT Q2/2026 tăng 20% svck (và tăng 4% svqt) đạt 2.910 tỷ đồng, nhờ LNTT mảng công nghệ tăng 23% svck (đạt 1.748 tỷ đồng) trong khi LNTT mảng giáo dục và đầu tư tăng 15% svck (đạt 1.162 tỷ đồng). Tỷ suất LNTT Q2/2026 mở rộng thêm 0,6 điểm phần trăm lên 21,1%, so với mức 20,5% ghi nhận trong Q2/2025.

Trong **mảng công nghệ**, LNTT của **phân mảng dịch vụ CNTT toàn cầu** tăng 19% svck và tăng 5% svqt (đạt 1.538 tỷ đồng). Đà tăng trưởng LNTT của phân mảng này cũng mở rộng thêm 0,4 điểm phần trăm lên 15,6%, so với mức 15,2% trong Q2/2025, nhờ vào khoản lợi nhuận từ nhà máy AI tại Nhật Bản, so với khoản lỗ trong Q2/2025.

LNTT của **phân mảng dịch vụ CNTT trong nước** tăng vọt 63% svck và tăng 114% svqt lên 210 tỷ đồng. LNTT của phân mảng này mở rộng thêm 1,8 điểm phần trăm lên 8,6%, từ mức 6,9% trong Q2/2025.

Tuy nhiên, **lợi nhuận thuần Q2/2026** chỉ tăng 14% svck (và tăng 3% svqt) lên 2.568 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận thuần giảm chủ yếu do thuế suất hiệu dụng tăng cao, xuất phát từ các nguyên nhân sau: (i) Chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho các cơ sở của FPT Software (FPT sở hữu 100% vốn) tại TP.HCM đã chính thức hết hiệu lực từ tháng 6. Hệ quả là mức thuế suất áp dụng bị đẩy lên mức 20%, thay vì mức ưu đãi 10% như trước đây. (ii) Tỷ trọng đóng góp lợi nhuận cao hơn từ thị trường Nhật Bản – chủ yếu nhờ nhà máy AI tại đây đã bắt đầu sinh lời so với khoản lỗ cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, Nhật Bản hiện là thị trường có thuế suất hiệu dụng cao nhất trong các thị trường của FPT (khoảng 30%, so với mức trung bình 20–25% tại các thị trường khác).

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu, dự báo lợi nhuận

Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 1 tháng qua, FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,6 lần dựa trên dự báo hiện tại, thấp hơn nhiều so với bình quân 3 năm ở mức 18,6 lần. HSC giữ nguyên dự báo cho năm 2026 với doanh thu thuần đạt 57,2 nghìn tỷ đồng (tăng 11,2% svck) và lợi nhuận

thuần đạt 10,6 nghìn tỷ đồng (tăng 13% svck). Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 94.200đ (tiềm năng tăng giá là 34%).

Bảng 2: Tỷ suất lợi nhuận theo mảng kinh doanh, FPT

Tỷ suất LNTT Q2/26 đã mở rộng, nhưng tỷ suất lợi nhuận thuần thu hẹp do mức thuế hiện hành tăng lên

	T6-25	T6-26	svck (điểm %)	svtt (điểm %)	Q2/25	Q2/26	svck (điểm %)	svtt (điểm %)	6T25	6T26	svck (điểm %)
Tỷ suất LNTT	20.6%	20.2%	(0.4)	(2.4)	20.5%	21.1%	0.6	(1.4)	20.7%	21.8%	1.0
CNTT	14.4%	14.5%	0.0	(0.3)	13.7%	14.2%	0.5	(0.2)	14.1%	14.3%	0.2
Toàn cầu	15.3%	15.1%	(0.2)	(1.6)	15.2%	15.6%	0.4	(0.7)	16.1%	15.9%	(0.2)
Trong nước	10.6%	12.1%	1.5	6.9	6.9%	8.6%	1.8	3.2	4.5%	7.3%	2.8
Giáo dục & đầu tư	70.6%	70.3%	(0.3)	(18.7)	67.7%	77.8%	10.2	2.2	62.7%	76.7%	14.0
Tỷ suất lợi nhuận thuần	20.5%	17.5%	(3.0)	(2.7)	19.1%	18.6%	(0.4)	(1.3)	19.0%	19.2%	0.2

Nguồn: FPT

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu dịch vụ CNTT toàn cầu, FPT

Nhật Bản và EU tiếp tục là động lực tăng trưởng, trong khi tăng trưởng tại Mỹ tăng tốc trong quý 2/2026, còn khu vực châu Á – Thái Bình Dương vẫn duy trì xu hướng suy yếu.

	Q2/25	Q1/26	Q2/26	svck	svqt	6T25	6T26	svck
Dịch vụ CNTT toàn cầu	8,483	9,035	9,867	16.3%	9.2%	16,669	18,902	13.4%
Nhật Bản	3,807	4,176	4,751	24.8%	13.8%	7,321	8,927	21.9%
Mỹ	2,023	2,078	2,181	7.8%	5.0%	4,025	4,259	5.8%
EU	869	994	1,186	36.5%	19.3%	1,557	2,180	40.0%
Châu Á - TBD	1,784	1,787	1,749	-2.0%	-2.1%	3,766	3,536	-6.1%
Tỷ trọng								
Nhật Bản	44.9%	46.2%	48.2%			43.9%	47.2%	
Mỹ	23.8%	23.0%	22.1%			24.1%	22.5%	
EU	10.2%	11.0%	12.0%			9.3%	11.5%	
Châu Á - TBD	21.0%	19.8%	17.7%			22.6%	18.7%	

Nguồn: FPT

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	62,849	70,113	57,188	66,082	75,685
Lợi nhuận gộp	23,698	25,889	18,431	21,353	24,392
Chi phí BH&QL	(13,190)	(14,900)	(10,109)	(11,480)	(13,037)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	10,508	10,989	8,322	9,873	11,355
Lãi vay thuần	124	1,305	808	695	803
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	393	658	2,629	2,850	3,158
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	44.6	92.0	86.7	100	115
LN TT	11,070	13,044	11,845	13,518	15,431
Chi phí thuế TNDN	(1,642)	(1,811)	(1,288)	(1,560)	(1,862)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,571)	(1,856)	40.0	40.0	40.0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,857	9,376	10,596	11,999	13,609
Lợi nhuận thuần ĐC	7,849	9,360	10,581	11,981	13,589
EBITDA ĐC	13,044	13,903	9,683	11,529	13,367
EPS (đồng)	4,917	5,205	5,723	6,480	7,350
EPS ĐC (đồng)	4,296	5,205	5,723	6,480	7,350
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,500	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	9,315	10,522	9,474	13,159	16,820
Đầu tư ngắn hạn	21,785	29,631	20,703	24,844	29,812
Phải thu khách hàng	11,382	14,402	14,005	16,183	18,534
Hàng tồn kho	1,857	2,194	1,716	1,982	2,271
Các tài sản ngắn hạn khác	1,197	1,389	1,144	1,322	1,514
Tổng tài sản ngắn hạn	45,536	58,137	47,041	57,489	68,951
TSCĐ hữu hình	15,334	16,964	11,515	12,039	12,489
TSCĐ vô hình	2,040	1,928	1,432	1,360	1,237
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,037	1,157	948	713	450
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,281	3,581	9,176	9,635	10,117
Tài sản dài hạn khác	5,772	6,374	3,290	3,236	3,379
Tổng tài sản dài hạn	26,464	30,005	26,361	26,982	27,671
Tổng cộng tài sản	72,000	88,142	73,402	84,471	96,623
Nợ ngắn hạn	14,446	19,170	13,153	15,199	16,651
Phải trả người bán	4,424	3,837	1,906	2,203	2,523
Nợ ngắn hạn khác	13,105	15,584	8,539	9,868	11,302
Tổng nợ ngắn hạn	34,836	41,525	25,505	29,472	32,998
Nợ dài hạn	501	1,904	1,700	1,700	1,700
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	357	258	284	312	343
Nợ dài hạn khác	315	302	278	321	368
Tổng nợ dài hạn	1,173	2,463	2,261	2,333	2,411
Tổng nợ phải trả	36,272	44,394	28,213	32,296	35,949
Vốn chủ sở hữu	29,794	36,483	43,818	50,598	58,860
Lợi ích cổ đông thiểu số	5,933	7,265	1,372	1,577	1,814
Tổng vốn chủ sở hữu	35,728	43,748	45,189	52,175	60,674
Tổng nợ phải trả và VCSH	72,000	88,142	73,402	84,471	96,623
BVPS (đ)	20,253	21,416	25,722	29,702	34,552
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,632	10,551	5,379	3,740	1,531

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	10,508	10,989	8,322	9,873	11,355
Khấu hao	(2,535)	(2,914)	(1,361)	(1,656)	(2,012)
Lãi vay thuần	124	1,305	808	695	803
Thuế TNDN đã nộp	(1,642)	(1,811)	(1,288)	(1,560)	(1,862)
Thay đổi vốn lưu động	303	(1,249)	(2,734)	(1,774)	(1,916)
Khác	(125)	(2,011)	(25,169)	1,829	1,676
LCT thuần từ HKKD	11,704	10,136	(18,702)	10,718	12,069
Đầu tư TS dài hạn	(3,275)	(5,098)	14,626	(2,106)	(2,338)
Góp vốn & đầu tư	(43,063)	(57,723)	3,333	(4,599)	(5,450)
Thanh lý	36,346	49,196	0	0	0
Khác	1,530	2,001	1,811	1,885	2,189
LCT thuần từ HĐĐT	(8,462)	(11,625)	19,770	(4,821)	(5,600)
Cổ tức trả cho CSH	(3,292)	(4,574)	(3,407)	(4,259)	(4,259)
Thu từ phát hành CP	163	1,196	0	0	0
Tăng/giảm nợ	933	6,180	1,290	2,046	1,452
Khác	(2,31)	(0.99)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(2,198)	2,801	(2,117)	(2,213)	(2,807)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,279	9,315	10,522	9,474	13,159
LCT thuần trong kỳ	1,044	1,313	(1,048)	3,685	3,662
Ảnh hưởng của tỷ giá	(7.92)	(106)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	9,315	10,522	9,474	13,159	16,820
Dòng tiền tự do	8,428	5,038	(4,076)	8,612	9,730

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	37.7	36.9	32.2	32.3	32.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	19.8	16.9	17.4	17.7
Tỷ suất LNT (%)	12.5	13.4	18.5	18.2	18.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.8	13.9	10.9	11.5	12.1
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.4	11.6	(18.4)	15.6	14.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	21.5	6.59	(30.4)	19.1	15.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	19.2	13.0	13.2	13.4
Tăng trưởng EPS (%)	5.47	5.86	9.96	13.2	13.4
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.9	21.2	9.96	13.2	13.4
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	40.7	38.4	34.9	38.6	34.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.7	28.3	26.4	25.4	24.9
ROACE (%)	31.0	26.2	17.6	19.2	19.1
Vòng quay tài sản (lần)	0.95	0.88	0.71	0.84	0.84
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.11	0.92	(2.25)	1.09	1.06
Số ngày tồn kho	17.3	18.1	16.2	16.2	16.2
Số ngày phải thu	106	119	132	132	132
Số ngày phải trả	41.2	31.7	18.0	18.0	18.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.8	30.9	13.7	8.84	4.03
Nợ/tài sản (%)	21.5	24.7	21.1	20.9	19.9
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.19	1.57	1.60	1.53	1.44
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.31	1.40	1.84	1.95	2.09
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.74	1.86	2.19	1.87	1.60
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.36	9.37	12.9	10.7	9.07
P/E (lần)	14.3	13.5	12.3	10.8	9.56
P/E ĐC (lần)	16.4	13.5	12.3	10.8	9.56
P/B (lần)	3.47	3.28	2.73	2.37	2.03
Lợi suất cổ tức (%)	2.84	2.84	2.84	3.56	3.56

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn